

thị trường có nhu cầu khác nhau. Trên mỗi phân đoạn, ngân hàng cần phải cung ứng các dịch vụ khác nhau để thỏa mãn các nhu cầu khác nhau đó. Trong thời gian sắp tới đây, khi tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta được đẩy nhanh, ví dụ khi Việt Nam gia nhập WTO, các ngân hàng Việt Nam phải cạnh tranh thực sự với các ngân hàng nước ngoài với tiềm lực về tài chính rất mạnh, thì vũ khí nào sẽ giúp các ngân hàng Việt Nam kháng cự lại làn sóng cạnh tranh đó để tồn tại và phát triển? Phải chăng đó là việc sử dụng nhuần nhuyễn công cụ phân đoạn thị trường và chiếm lĩnh dần những phân đoạn thị trường phù hợp với điều kiện và nguồn lực hiện có của mình!

Bài báo này không trình bày toàn bộ các vấn đề liên quan đến phân đoạn thị trường ngân hàng. Các chủ đề như các phương án tiếp cận việc lựa chọn cơ sở phân đoạn thị trường hay mối quan hệ giữa phân đoạn thị trường và chiến lược marketing của ngân hàng sẽ được trình bày trong các bài báo sau ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kotler, P., *Marketing Management, 10th edition, Prentice Hall, 2000, tr. 143-146.*
2. Lamb, Charles W. et al, *Marketing, 6<sup>th</sup> edition, South-Western, 2002, tr. 228-230.*
3. Nguyễn Thị Minh Hiền., *Giáo trình Marketing Ngân hàng, Nhà Xuất bản Thống kê, 2003, tr 45-52.*
4. Yorke D.A., *The Definition of Market Segments for Banking Services, Institute of Bankers, 2001.*
5. Phạm Ngọc Long, Nguyễn Lâm, Bùi Sĩ Hùng, *Marketing trong Ngân hàng, Viện NCKHNH, 1996.*
6. Badoc, Michelle, *Marketing Management pour les Societes Financieres, Dunod, 1995 trang 60.*

**GIỚI THIỆU  
THỦ TỤC MẪU XẾP HẠNG  
KHOẢN VAY**

**Vũ Huy Nhân\***

**XẾP HẠNG KHOẢN VAY  
ĐỀ XUẤT CHO NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI**

Trong những năm qua, hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) của nước ta đã phát triển và đổi mới liên tục, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế. Một hệ thống NHTM được củng cố vững chắc về mọi mặt từ con người, vốn cho đến những thành tựu mới nhất của lĩnh vực công nghệ tin học cũng đã được ứng dụng trước tiên cho hệ thống ngân hàng, nhằm chuẩn bị đầy đủ cơ sở để ngành ngân hàng bước vào giai đoạn hội nhập với sự cạnh tranh khốc liệt trong thị trường mở. Chính vì vậy, hệ thống ngân hàng đã ngày càng đáp ứng có hiệu quả hơn nhu cầu phát triển của nền kinh tế, nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp, nông dân cũng như nhu cầu thanh toán và tiêu dùng của xã hội.

Nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp dân doanh nhỏ và vừa, được đáp ứng ngày càng tốt hơn. Tỷ lệ tín dụng trên GDP tăng khoảng 37% năm 1998 lên 55% năm 2004. Tỷ lệ nợ xấu theo tiêu chuẩn Việt Nam của các NHTM đã được giảm bớt đáng kể. Công nghệ ngân hàng từng bước được cải thiện và hiện đại hóa. ngân hàng điện tử và chữ ký điện tử đang được thử nghiệm để vận hành.

Trong bài viết này Tôi xin giới thiệu một phương pháp xếp hạng khoản vay. Hy vọng đây sẽ là một phương pháp tốt được các ngân hàng ứng dụng nhằm giúp cho hoạt động tín dụng của NHTM ngày càng có chất lượng, nhanh chóng, linh hoạt và hiệu quả hơn.

*Ban QL khu công nghệ cao Tp. HCM(\*)*

Ngân hàng cần thiết lập bộ hồ sơ xếp hạng khoản vay nhằm xác định chất lượng khoản vay trong danh mục cho vay của ngân hàng.

- Tiêu chí đầu tiên trong bộ hồ sơ xếp hạng khoản vay là: Xếp hạng khoản vay cần phải nhất quán với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc hệ thống ngân hàng mình đang sử dụng.

- Tiêu chí thứ hai là: Có phương thức xếp hạng một khoản vay cụ thể một cách khách quan.

Trong phần giới thiệu nội dung hướng dẫn này, chúng ta sẽ xây dựng một hệ thống xếp hạng khoản vay đáp ứng những tiêu chí này. Hệ thống xếp hạng mà Chúng tôi đề xuất là tương thích với hệ thống mà các ngân hàng của một số nước tiến tiến đang sử dụng. Hệ thống này có 3 mức xếp hạng khoản vay đủ tiêu chuẩn (A, B và C), 2 mức xếp hạng khoản vay cần chú ý (W và O), mức không đủ tiêu chuẩn (D), mức nghi vấn (E) và mất mát (F). Các mức độ xếp hạng đề xuất của tôi được mô tả trong các phần sau:

- *Khoản vay chất lượng tốt (Hạng A):* Mức này được sử dụng để xếp hạng những khoản vay có chất lượng tốt nhất. Các khoản vay này được thực hiện đối với những người vay mà ngân hàng biết rõ, những người có nguồn thanh toán đầy đủ và rõ ràng. Thông thường, khoảng 15% các khoản vay của ngân hàng được phân loại A.

- **Khoản vay có chất lượng (Hạng B):** Mức này được sử dụng để xếp hạng những khoản vay có chất lượng. Những khoản vay này có nguồn thanh toán đầy đủ, không có rủi ro trong việc thu nợ và hoàn toàn tuân thủ tất cả các chính sách của ngân hàng. Có ít ngoại lệ trong chính sách vay nợ và trong quá trình chỉnh sửa, các khoản vay này không thuộc loại gây nên rủi ro mất mát. Thông thường, khoảng 35% danh mục nợ của ngân hàng được phân loại ở hạng B. Khi một khoản tín dụng được xếp hạng B được đệ trình trước hội đồng tín dụng thì thường nhận được sự nhất trí chấp thuận.

- **Khoản vay có thể chấp nhận (Hạng C):** Mức này được sử dụng để xếp hạng những khoản vay có thể chấp nhận, đây là hạng thấp nhất trong 3 hạng xếp loại khoản vay được chấp thuận. Những khoản vay này có nguồn thanh toán đầy đủ, có ít rủi ro trong việc thu nợ và tuân thủ chính sách của ngân hàng. Thông thường, khoảng 35% danh mục nợ của ngân hàng được phân loại ở hạng C. Khi một khoản tín dụng được xếp hạng C được đệ trình trước hội đồng tín dụng thì có thể được chấp thuận nhưng cũng sẽ có những ý kiến không chấp thuận cho vay.

- **Khoản vay không đủ tiêu chuẩn (Hạng D):** Các khoản vay xếp hạng D hiện tại không đủ vốn tự có, thiếu khả năng thanh toán hoặc tài sản thế chấp của người đi vay. Các khoản vay thường được xếp hạng D khi có các tính chất không thoả mãn gây ra rủi ro lớn hơn mức có thể chấp nhận. Một khoản vay xếp hạng D thường có một hoặc nhiều yếu tố cụ thể có thể làm tổn hại

tới việc hoàn trả nợ. Các trường hợp khoản vay có thể được xếp hạng D bao gồm:

- ♦ Nguồn chu chuyển tiền mặt hiện tại không đầy đủ có thể làm tổn hại tới việc hoàn trả khoản nợ trong tương lai.

- ♦ Việc bán tài sản không thể chấp trở thành nguồn hoàn trả nợ chủ yếu.

- ♦ Quan hệ đã giảm sút tới mức việc bán tài sản thế chấp hiện là nguồn hoàn trả nợ chủ yếu cho ngân hàng. Nếu tài sản thế chấp thuộc quyền kiểm soát của ngân hàng là tiền mặt hoặc tài sản có tính thanh khoản cao thì khoản vay đó có thể được xếp hạng phù hợp hơn ở hạng W hoặc O.

- ♦ Người đi vay phá sản, hoặc vì một lý do nào khác việc hoàn trả phụ thuộc vào quyết định của tòa án.

- **Nghi vấn (Hạng E):** Các khoản vay có yếu điểm gắn liền với việc phân loại hạng D và có nghi vấn trong việc thu nợ hoặc thanh toán đầy đủ bị xếp hạng E. Khoản vay xếp hạng E cần ngay lập tức bị phân loại là những khoản vay đang bị nghi vấn.

- **Mất mát (Hạng F):** Xếp loại hạng F được áp dụng đối với những khoản vay được coi là không thể thu hồi và có giá trị thấp nên việc khoản vay tiếp tục tồn tại như tài sản hoạt động của ngân hàng là không được bảo đảm. Xếp hạng ở mức này không có nghĩa là tài sản không có giá trị thu hồi mà trên thực tế phần tài sản này cần phải được đưa ngay ra khỏi bảng tổng kết tài sản, cho dù trong tương lai có thể thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

- **Danh sách theo dõi (Hạng W):** “W” có nghĩa là “Danh sách các khoản nợ cần theo dõi”. Ngân

hàng cần phân loại hạng W đối với các khoản nợ mà cán bộ phụ trách cho vay báo cáo là đang có vấn đề nảy sinh. Cán bộ phụ trách cho vay, trưởng phòng quản lý cho vay, hội đồng tín dụng hoặc ban giám đốc có thể xếp hạng W cho khoản vay. Việc phân loại này có nghĩa là khoản nợ sẽ được cập nhật vào danh sách các khoản nợ cần theo dõi và cần có sự quan tâm đặc biệt. Các khoản vay loại này có chất lượng cao hơn các khoản vay được xếp hạng D, E hoặc F nhưng đã có biểu hiện yếu kém và các khoản vay này cần được cập nhật vào danh sách các khoản nợ cần theo dõi để có được sự quan tâm đặc biệt cần thiết. Thông thường tại một ngân hàng, khoảng 10% danh mục nợ được xếp loại W.

Chú ý rằng danh sách các khoản nợ cần theo dõi của ngân hàng bao gồm các khoản nợ được xếp hạng W, D và E. Các khoản nợ bị xếp hạng F có thể tạm thời nằm trong danh sách cần theo dõi nhưng các khoản nợ này cần được đưa ngay ra khỏi bảng cân đối tài sản.

- **Các khoản nợ khác được quan tâm đặc biệt (Hạng O):** Theo hệ thống xếp hạng đề xuất của chúng tôi thì chỉ cán bộ xem xét cho vay là được phép xếp hạng O cho một khoản nợ. Các khoản nợ này không nằm trong danh sách cần theo dõi, và không được phân loại. Các khoản nợ này có các tính chất không thoả mãn tiềm ẩn. Phân loại O có nghĩa là ban giám đốc cần xem xét khoản nợ. Khoản nợ được phân loại ở mức này vì cán bộ vay nợ không thể giám sát hiệu quả bởi một trong các lý do sau: không được đào tạo đầy đủ hoặc không có kinh nghiệm, hợp đồng vay nợ

không đầy đủ, không đủ khả năng kiểm soát tài sản thế chấp, không có đầy đủ báo cáo tài chính hoặc hợp đồng vay nợ cao cấp từ phía người đi vay hoặc vì các lý do tương tự.

Phân loại O chỉ là tạm thời. Điều này có nghĩa cán bộ vay nợ muốn ban giám đốc xem xét tình trạng của khoản nợ và quyết định xử lý. Sau khi ban giám đốc quyết định xử lý, cán bộ vay nợ sẽ tái xếp hạng khoản nợ.

• **Không xếp hạng (Hạng U):** Các khoản vay không xếp hạng là những khoản vì các lý do khác nhau mà cán bộ vay nợ không thể xếp hạng. Xếp hạng U chỉ là tạm thời trong thời gian 30 ngày. Sau 30 ngày, cán bộ vay nợ sẽ tái đánh giá khoản vay. Nếu có bổ sung báo cáo tài chính, số liệu tín dụng v.v... thì khoản nợ sẽ được đánh giá theo thủ tục thông thường. Nếu không có đủ tài liệu bổ sung thì khoản nợ sẽ được xếp hạng O và chi tiết của khoản nợ sẽ được báo cáo bằng văn bản cho cán bộ phụ trách tín dụng nợ cấp trên, trưởng phòng quản lý tín dụng và cho hội đồng tín dụng hoặc giám đốc xem xét để quyết định cho vay. Việc khoản nợ bị phân loại O đồng nghĩa với việc cần có quyết định xử lý của ban giám đốc.

### **SÁU YẾU TỐ XẾP HẠNG KHOẢN VAY THƯƠNG MẠI**

Cán bộ vay nợ cần xếp hạng từng khoản vay thương mại ngay từ đầu và phân loại hàng năm dựa trên cơ sở các báo cáo tài chính được cung cấp. Các thủ tục xếp hạng vay thương mại được mô tả sơ lược trong phần này. Khi xếp hạng một khoản vay thương mại, các yếu tố sau được tính điểm: khả năng thanh toán, điều kiện tài chính, quản lý, thế chấp và

bảo lãnh, cơ cấu, ngành công nghiệp và kinh tế. Từng yếu tố được đánh giá từ 1 đến 5, 1 là điểm số cao nhất và 5 là điểm số thấp nhất.

#### **1. Khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán là xác định yếu tố thu nhập trong báo cáo thu nhập. Đây là việc xác định khả năng tạo lợi nhuận và luồng chu chuyển tiền mặt của một công ty nhằm đáp ứng nghĩa vụ nợ trong khi đáp ứng các nhu cầu nội bộ về tiền mặt khi công ty tiếp tục công việc kinh doanh thông thường. Yếu tố này được ghi điểm là 1 (cao nhất) đến 5 (thấp nhất) dựa trên hướng dẫn sau đây:

◆ **Điểm số 1** dành cho các công ty có lợi nhuận cao và hồ sơ chứng minh luôn đáp ứng nghĩa vụ nợ. Phỏng đoán cho thấy công ty sẽ không gặp khó khăn trong việc có đủ luồng tiền mặt đáp ứng nghĩa vụ nợ của tất cả các khoản nợ hiện nay, bao gồm cả khoản vay đang được xếp hạng. Công ty có một phần lớn trong luồng tiền mặt có thể sử dụng thanh toán cho các khoản dự phòng có thể nảy sinh. Để đạt điểm 1 thì doanh nghiệp phải làm ăn rất có lãi, có hồ sơ chứng minh hoạt động kinh doanh và luồng tiền mặt dự kiến cho thấy là lớn hơn nhiều hoặc lớn hơn nhu cầu tiền mặt dự kiến.

◆ **Điểm số 2** dành cho các công ty có lợi nhuận và hồ sơ chứng minh đáp ứng nghĩa vụ nợ. Phỏng đoán cho thấy công ty sẽ gặp ít khó khăn trong việc có đủ luồng tiền mặt đáp ứng nghĩa vụ nợ của tất cả các khoản nợ hiện nay, bao gồm cả khoản vay đang được xếp hạng. Công ty có đủ luồng tiền mặt đáp ứng yêu cầu nghĩa vụ nợ có thể sử dụng thanh

toán dự phòng. Các yếu tố quan trọng để công ty đạt điểm 2 là lợi nhuận, hồ sơ chứng minh, luồng tiền mặt dự kiến trong tương lai và mức độ chênh lệch lớn hơn nhu cầu dự kiến.

◆ **Điểm số 3** dành cho các công ty có đủ lợi nhuận để đáp ứng nghĩa vụ nợ. Phỏng đoán cho thấy công ty sẽ có thể có đủ luồng tiền mặt đáp ứng nghĩa vụ nợ hiện tại và khoản vay đang được xếp hạng nhưng mức độ chênh lệch ít để sử dụng thanh toán dự phòng. Các yếu tố quan trọng để công ty đạt điểm 3 là lợi nhuận, khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ của ngân hàng, có đủ luồng tiền mặt dự kiến cho các nhu cầu trong tương lai nhưng mức độ chênh lệch ít để thanh toán dự phòng.

◆ **Điểm số 4** cho thấy cần có sự củng cố trong hoạt động tài chính hoặc công ty sẽ không thể tiếp tục công việc kinh doanh thông thường nếu đáp ứng đầy đủ nghĩa vụ nợ. Bất kỳ phỏng đoán nào cho rằng công ty có khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ đều chỉ mang tính lạc quan. Khoản vay này nằm trong danh sách các khoản vay cần theo dõi vì người xếp hạng khoản vay cho rằng công ty sẽ không đủ luồng tiền mặt trong tương lai để thực hiện kế hoạch vay trả nợ. Các nguồn trả nợ thứ cấp cần được nghiên cứu và củng cố vì đây có thể trở thành nguồn trả nợ chủ yếu cho ngân hàng.

◆ **Điểm số 5** cho thấy người xếp hạng khoản vay tin rằng người đi vay sẽ không thể trả nợ. Ngân hàng cần phải dựa vào người bảo lãnh hoặc tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ hoặc ít nhất thì một phần của khoản nợ cũng phải được đưa ra khỏi bảng cân đối tài sản. Điểm số 5 cho thấy ngân hàng cần

tiến hành các thủ tục kê biên tài sản đối với người đi vay và yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

## 2. Điều kiện tài chính:

Điều kiện tài chính là việc xác định sức mạnh tài chính của khách hàng được thể hiện trên bảng cân đối tài sản. Đây là sự xác định tính thanh khoản, vốn và tỷ lệ nợ. Các chỉ số sử dụng để cho điểm đối với yếu tố này bao gồm vốn lưu động, tỷ lệ hiện tại, tỷ lệ nợ tính trên vốn tự có, hàng hóa quay vòng, các khoản phải thu và phải trả.

◆ Để được xếp hạng 1 về điều kiện tài chính, công ty phải có tỷ lệ nợ tính trên vốn tự có thấp, có nhiều vốn lưu động hơn mức trung bình, nhiều vốn tự có và các khoản phải trả được thể hiện bởi tỷ lệ vòng quay thanh toán (tính theo ngày). Các yếu tố này phát triển theo hướng có lợi. Mức xếp hạng này dành cho các công ty có bảng cân đối tài sản tốt và nguồn chủ yếu là vốn có có nguồn thu từ lợi nhuận được giữ lại.

◆ Để được xếp hạng 2 về điều kiện tài chính, công ty phải có tỷ lệ nợ tính trên vốn tự có tốt hơn mức trung bình, có đủ vốn lưu động, có đủ vốn tự có và khả năng thanh toán những khoản phải trả. Các yếu tố này phát triển theo hướng có lợi. Mức xếp hạng này được dành cho các công ty có bảng cân đối tài sản trên mức trung bình.

◆ Điểm số 3 cho thấy công ty có tỷ lệ nợ tính trên vốn tự có ở mức trung bình, có đủ vốn lưu động và vốn tự có chấp nhận được, không chậm thanh toán những khoản phải trả. Các yếu tố không phát triển theo hướng bất lợi. Mức xếp hạng này được

dành cho các công ty có bảng cân đối tài sản ở mức trung bình.

◆ Điểm số 4 cho thấy công ty có tỷ lệ nợ tính trên vốn tự có ở mức khá cao, vốn lưu động thấp hơn mức cần có, có ít vốn tự có và chậm trong thanh toán những khoản phải trả. Một hoặc nhiều yếu tố phát triển theo hướng bất lợi. Mức xếp hạng này được dành cho các công ty có bảng cân đối tài sản dưới mức trung bình.

◆ Điểm số 5 dành cho công ty có tỷ lệ nợ tính trên vốn tự có ở mức cao, vốn lưu động thấp hơn nhiều so với mức cần có, ít hoặc không có vốn tự có, trong quá khứ thường chậm thanh toán những khoản phải trả. Nhiều yếu tố phát triển theo hướng bất lợi. Mức xếp hạng này được dành cho các công ty có bảng cân đối tài sản ở mức thấp.

## 3. Khả năng quản lý:

Yếu tố tiếp theo là xác định khả năng quản lý của tổng giám đốc công ty. Mức xếp hạng này dựa trên kinh nghiệm hoạt động của công ty, sự hiểu biết về tài chính và lập kế hoạch tài chính, khả năng điều hành hoạt động kinh doanh tuân thủ kế hoạch kinh doanh, lãnh đạo, kỹ năng tổ chức và khả năng quản lý dự phòng.

◆ Để được xếp hạng 1 trong quản lý, công ty phải được lãnh đạo bởi một tổng giám đốc có ít nhất 10 năm kinh nghiệm lãnh đạo trong cùng ngành nghề kinh doanh, có ít nhất 4 năm kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và có bề dày kinh nghiệm quản lý tốt. Ngoài ra, ban giám đốc phải lập báo cáo tài chính đúng hạn và có đủ chất lượng để hỗ trợ cho tất cả các yêu cầu của ngân hàng. Công việc kinh

doanh phải được điều hành theo một kế hoạch tài chính và ngân sách hữu hiệu và chứng tỏ khả năng quản lý vốn lưu động của công ty và các yêu cầu về tài chính dài hạn. Mức xếp hạng này được dành cho công ty được lãnh đạo một cách đúng đắn, có bề dày quản lý và tổ chức tốt.

◆ Để được xếp hạng 2 trong quản lý, công ty phải được lãnh đạo bởi một tổng giám đốc có ít nhất 6 năm kinh nghiệm lãnh đạo trong cùng ngành nghề kinh doanh, có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và có bề dày kinh nghiệm quản lý tốt. Ngoài ra, ban giám đốc phải lập báo cáo tài chính đầy đủ và cung cấp cho ngân hàng đúng hạn, hoạt động theo kế hoạch tài chính và ngân sách hợp lý trong hầu hết mọi trường hợp và chứng tỏ khả năng quản lý vốn lưu động của công ty và các yêu cầu về tài chính dài hạn. Mức xếp hạng này được dành cho công ty có bề dày quản lý ở mức trung bình và không tồn tại thiếu sót liên quan đến tổ chức.

◆ Điểm số 3 dành cho một công ty được lãnh đạo bởi một tổng giám đốc có khả năng quản lý công ty loại này. Ngoài ra, ban giám đốc phải lập báo cáo tài chính đầy đủ và thường cung cấp cho ngân hàng đúng hạn, hoạt động theo kế hoạch tài chính và ngân sách nhưng gặp khó khăn trong việc tuân thủ kế hoạch đã đề ra hoặc phải dựa vào ngân sách, thỉnh thoảng phải giải quyết nhu cầu vốn lưu động đột xuất hoặc yêu cầu tài chính dài hạn. Mức xếp hạng này được dành cho công ty đủ khả năng quản lý và không tồn tại những thiếu sót cụ thể liên quan đến tổ chức.

◆ Điểm số 4 dành cho một công ty được lãnh đạo bởi một tổng giám đốc mà khả năng quản lý chưa được xác định rõ ràng. Ngoài ra, ban giám đốc không lập báo cáo tài chính đầy đủ, hoạt động theo kế hoạch tài chính hoặc có dự trù ngân sách hàng năm. Công ty thường có những nhu cầu đột xuất về vốn lưu động hoặc yêu cầu tài chính dài hạn. Mức xếp hạng này được dành cho công ty không đủ bề dày kinh nghiệm quản lý và có những thiếu sót cụ thể trong tổ chức.

◆ Điểm số 5 dành cho một công ty được lãnh đạo bởi một tổng giám đốc không biết quản lý như thế nào. Ban giám đốc không lập báo cáo tài chính đầy đủ, hoạt động theo kế hoạch tài chính hoặc có dự trù ngân sách hàng năm và không thể quản lý các nguồn tài chính. Mức xếp hạng này được dành cho công ty không đủ khả năng quản lý và quản lý liên tục. Công ty này có những thiếu sót cụ thể và trầm trọng trong tổ chức.

#### 4. Thế chấp và Bảo lãnh:

Việc xếp hạng thế chấp và bảo lãnh dựa trên mức độ thế chấp và bảo lãnh mà ngân hàng có thể dựa vào đó mà thu hồi vốn nếu nguồn hoàn trả nợ sơ cấp không đủ để thanh toán nợ. Trước khi xếp hạng yếu tố này, chúng ta cần xem xét hồ sơ thế chấp và xác định chắc chắn tính hợp lệ về tài sản thế chấp cho ngân hàng.

◆ Mức xếp hạng 1 cho thấy người xếp hạng đảm bảo rằng khoản vay có thể được hoàn trả từ khoản thế chấp hoặc bên bảo lãnh nếu cần thiết. Thông thường, mức xếp hạng 1 chỉ được áp dụng khi tài sản thế chấp là chứng chỉ tiền gửi (CD), cổ



*Hệ thống hoạt động của ngân hàng Á Châu (chi nhánh Q.10)*

phiếu hoặc trái phiếu được dẫn chứng cụ thể và đang được ngân hàng nắm giữ với số lượng đủ để thanh toán khoản nợ.

◆ Mức xếp hạng 2 dành cho tài sản thế chấp và bảo lãnh đầy đủ, không có nghi ngờ gì về khả năng hoàn trả khoản nợ nhưng có thể xảy ra chậm chễ và khó khăn vì khoản thế chấp nằm trong tay người đi vay, cần tiến hành thủ tục kê biên tài sản thế chấp. Có bên bảo lãnh sẵn sàng thanh toán phần nợ còn lại nếu khoản thế chấp không đủ trả toàn bộ khoản nợ.

◆ Mức xếp hạng 3 cho thấy vẫn có đủ tài sản thế chấp có khả năng thanh khoản do đó cho dù có phải thực hiện các thủ tục kê biên tài sản thì ngân hàng vẫn không phải đưa bất kỳ khoản nợ nào ra khỏi bảng cân đối tài sản. Người bảo lãnh hỗ trợ cho khoản vay nhưng sẽ từ chối thanh toán và ngân hàng có thể phải cần đến lệnh của tòa án.

◆ Mức xếp hạng 4 cho thấy tài sản thế chấp và người bảo lãnh không đủ để thanh toán cho khoản nợ và ngân hàng sẽ phải

đưa một phần nợ ra khỏi bảng cân đối tài sản nếu tài sản thế chấp và bên bảo lãnh là nguồn hoàn trả nợ duy nhất của ngân hàng.

◆ Mức xếp hạng 5 cho thấy hơn 50% khoản nợ sẽ phải đưa ra khỏi bảng cân đối tài sản nếu tài sản thế chấp và bên bảo lãnh là nguồn hoàn trả nợ duy nhất của ngân hàng.

#### 5. Cơ cấu khoản vay:

Cơ cấu là việc xác định mục đích khoản vay và khoản vay được cơ cấu ra sao để phục vụ mục đích này. Nếu khoản vay không hoàn toàn tuân thủ các hướng dẫn về chính sách vay nợ của ngân hàng thì các trường hợp ngoại lệ về chính sách sẽ không phản ánh đúng cơ cấu của khoản vay.

◆ Mức xếp hạng 1 cho thấy khoản vay phục vụ mục đích kinh tế hiệu quả dành cho người đi vay tại địa phương có đủ tài sản thế chấp và nguồn trả nợ hoàn toàn nhất quán với mục đích đi vay. Ngân hàng phân loại khoản vay này là được chấp thuận và hoàn toàn tuân thủ các

hướng dẫn về chính sách vay nợ của ngân hàng. Một khoản vay mua thiết bị có thể chấp, lãi suất hợp lý và thời gian đáo hạn là 3 năm có thể được xếp hạng 1 nhưng khoản vay tương tự có thời gian đáo hạn là 5 năm có thể bị xếp hạng 3. Hạn mức tín dụng dành cho vốn lưu động đang được sử dụng hợp lý thông thường sẽ có thời hạn là 90 ngày mỗi năm có thể được xếp hạng 1 nhưng hạn mức tín dụng tương tự mà phải thanh toán ngay có thể bị xếp hạng 3 hoặc 4.

◆ Mức xếp hạng 2 cho thấy một khoản vay được sử dụng cho một mục đích hữu ích và khoản vay tuân thủ chính sách vay nợ của ngân hàng, lợi nhuận và luồng tiền mặt là các nguồn hoàn trả sơ cấp và lịch hoàn trả nợ nhất quán với tài sản thế chấp và luồng tiền mặt trong tương lai. Phương thức khoản vay này được cơ cấu cho thấy quan hệ hoàn toàn tốt đẹp giữa ngân hàng và khách hàng.

◆ Mức xếp hạng 3 cho thấy khoản vay có ít yếu kém cụ thể về cơ cấu. Có thể đây là một hạn mức tín dụng có thời hạn hoàn trả hàng năm quá ngắn. Có thể đây là một khoản vay mua thiết bị có lịch hoàn trả nợ quá ngắn (có nghĩa là khó có thể trả nợ hàng tháng) hoặc quá dài (có nghĩa là thiết bị rất nhanh bị hỏng hoặc lỗi thời trước khi hoàn tất lần thanh toán cuối cùng). Khoản vay phục vụ mục đích đầu cơ thường được xếp hạng 3 hoặc 4 về cơ cấu.

◆ Mức xếp hạng 4 có nghĩa là có những thiếu sót trầm trọng trong cơ cấu khoản vay. Đây có thể là một khoản cho vay bên ngoài. Có thể đây là hạn mức tín dụng phải thanh toán ngay

hoặc hạn mức vốn lưu động đang được sử dụng để tài trợ cho việc mua thiết bị. Việc tài trợ mua thiết bị không có các điều khoản khấu hao gốc hàng tháng và sử dụng thông báo 90 ngày sẽ được xếp hạng 4.

◆ Mức xếp hạng 5 cho thấy đây là một khoản vay bất hợp pháp hoặc là khoản vay vi phạm chính sách vay nợ của ngân hàng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản trong hồ sơ vay nợ. Khoản vay này chắc chắn đã được cơ cấu không thỏa mãn các điều kiện vay nợ. Các nhà phân tích sẽ xếp hạng 5 cho hạn mức tín dụng đã được rút hết và ít khi thanh toán đến 50% kim ngạch. Tương tự như vậy, một khoản vay mua thiết bị có thời gian khấu hao gốc dài hơn tuổi thọ của thiết bị sẽ bị xếp hạng 5. Có ai đã mắc sai lầm nghiêm trọng khi chấp thuận cho vay khoản này. Một khoản vay có sự thông đồng từ bên trong luôn bị xếp hạng 5 và O.

#### 6. Ngành công nghiệp và kinh tế:

Yếu tố ngành công nghiệp và kinh tế xác định các tác động đối với việc hoàn trả khoản vay dựa trên tính chất loại hình kinh doanh của người đi vay.

◆ Mức xếp hạng 1 cho thấy khoản vay dành cho một doanh nghiệp hoạt động trong thời điểm môi trường kinh tế tốt. Ngành công nghiệp không gặp phải cạnh tranh quyết liệt. Hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp này đều có lợi nhuận và lợi nhuận này sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi suy thoái kinh tế.

◆ Mức xếp hạng 2 cho thấy đây là một ngành kinh tế có lợi nhuận hiện đang hoạt động trong bối cảnh kinh tế tốt. Đây không

phải là kinh tế phát triển theo chu kỳ và không bị tác động nghiêm trọng bởi suy thoái kinh tế, việc đóng cửa nhà máy tại địa phương hoặc sự thay đổi lớn trong nông nghiệp, dầu khí hoặc giá cả bất động sản.

◆ Mức xếp hạng 3 cho thấy đây là một ngành kinh tế có lợi nhuận hợp lý hiện đang hoạt động trong bối cảnh kinh tế tốt nhưng đây là ngành kinh doanh phát triển theo chu kỳ và sẽ bị tác động bởi suy thoái kinh tế, đóng cửa nhà máy tại địa phương hoặc có thay đổi lớn trong nông nghiệp, dầu khí hoặc giá cả bất động sản. Đây là ngành công nghiệp cạnh tranh và chỉ có công ty nào có khả năng quản lý tốt mới có thể thoát khỏi suy thoái mà không bị tác động lớn.

◆ Mức xếp hạng 4 cho thấy đây là công việc kinh doanh khó khăn để có lợi nhuận. Đây là ngành kinh doanh cạnh tranh quyết liệt. Người đi vay đang hoạt động trong ngành kinh tế hiện đang bị suy thoái. Đây là ngành kinh doanh phát triển theo chu kỳ và lợi nhuận của công ty sẽ bị tác động nếu có suy thoái, đóng cửa nhà máy tại địa phương hoặc có thay đổi lớn trong nông nghiệp, dầu khí hoặc giá cả bất động sản. Chỉ công ty nào có khả năng quản lý tốt mới có thể trụ vững trong ngành công nghiệp này.

◆ Mức xếp hạng 5 cho thấy đây là ngành công nghiệp hiện đang gặp rắc rối trầm trọng. Đây là khoản vay dành cho một công trình xây dựng nhà chung cư còn dang dở nằm cạnh một địa điểm quân sự đang được đóng cửa. Đây là khoản vay cho một công ty khoan giếng dầu mà giá dầu hiện tại ở mức dưới 12 USD/một

thùng. Đây là khoản vay cho một cửa hàng bán đồ dùng gia đình ngay cạnh trung tâm bán đồ dùng hạ giá Wal-Mart mới khai trương. Đây là khoản vay cho một công ty xây dựng nhà ở tại một thị trấn có số dân đang giảm dần và lãi suất cho vay cầm cố xây dựng nhà vừa vọt lên rất cao.

Làm thế nào để xếp hạng 6 yếu tố ?

Chắc chắn là không phần nào trong bài này sẽ hoàn toàn phù hợp với một người đi vay. Khi xếp hạng một khoản vay, cán bộ vay nợ sẽ mô tả tóm tắt (như các ví dụ trên đây) đối với cả 6 yếu tố. Phần mô tả này phải được thực hiện trên cơ sở thực tế và khách quan.

Việc đánh giá xếp hạng sẽ được thực hiện sau khi đã tóm tắt đủ 6 yếu tố. Sau đó, phần mô tả của từng yếu tố sẽ được so sánh với phần mô tả mẫu. Việc xếp hạng cho từng yếu tố phải rõ ràng hợp lý. Khi không thể xếp hạng rõ ràng theo mức chuẩn hoặc xảy ra trường hợp điểm số xếp hạng nằm giữa hai mức xếp hạng thì có thể xếp hạng lẻ, ví dụ như 2.5 hoặc 3.6. Tuy nhiên, lưu ý rằng kết quả lẻ không được làm tròn trong xếp hạng. Thay vào đó, giá trị xếp hạng lẻ sẽ giúp người xếp hạng trong kết quả đánh giá xếp hạng cuối cùng.

Tính toán xếp hạng:

Bí mật của hệ thống xếp hạng nằm ở việc cho điểm đối với từng yếu tố. Nếu tất cả 6 yếu tố được tính điểm chính xác thì việc tính toán xếp hạng đối với một khoản vay thật dễ dàng. Nếu tất cả 6 yếu tố được tính điểm không chính xác thì việc tính toán xếp hạng đối với một khoản vay là hành động vô nghĩa. Hệ thống đánh giá hoàn toàn độc lập với việc 6 yếu tố liên quan được tính

điểm như thế nào. Để có thể xếp hạng chung cuộc khoản vay, hãy tuân thủ các bước mô tả dưới đây:

- ◆ Tính điểm cho cả 6 yếu tố.
    - Điểm số từ 6 đến 9 áp dụng cho hạng A
    - Điểm số từ 10 đến 15 áp dụng cho hạng B
    - Điểm số từ 16 đến 20 áp dụng cho hạng C
    - Điểm số từ 21 đến 26 áp dụng cho hạng D
    - Điểm số từ 27 đến 30 áp dụng cho hạng E
  - ◆ Khi điểm số nằm giữa hai mức thì có thể xếp hạng trên hoặc dưới dựa vào điểm số của yếu tố khả năng hoàn trả nợ. Ví dụ, tổng điểm số là 15 hoặc 16 có thể được xếp hạng B nếu yếu tố thứ nhất đạt điểm số 1 hoặc 2 nhưng sẽ bị xếp hạng C nếu yếu tố thứ nhất chỉ đạt điểm số 3.
  - ◆ Hai bước đầu có thể xếp hạng sơ bộ. Xem xét kỹ cả 6 yếu tố để kiểm tra xem đã tính điểm chính xác hay chưa. Thông thường thì có một yếu tố hoặc hơn sẽ vượt mức 1 điểm và cũng hiếm khi một yếu tố chênh 2 điểm. Thông thường thì việc tính điểm lại sẽ làm cho điểm số đồng nhất với đánh giá của cán bộ xếp hạng. Nếu không, khoản vay có thể cần phải được thẩm định lại.
- Ngoài 3 bước trên, cũng có một số quy tắc cần được xem xét:
- ◆ Một khoản vay không bao giờ được xếp hạng cao hơn 2 mức so với điểm số về khả năng hoàn trả nợ. Nếu điểm số của khả năng hoàn trả nợ là 4 thì hạng mức cao nhất mà một khoản vay có thể đạt được là hạng C. Nếu điểm số của khả năng hoàn trả nợ là 5 thì hạng mức cao nhất mà một khoản vay có thể đạt được là hạng D.
  - ◆ Chất lượng của khoản nợ đã suy giảm tới mức ngân hàng phải

phụ thuộc vào nguồn hoàn trả nợ từ tài sản thế chấp hoặc bên bảo lãnh thì phải bị xếp hạng D hoặc thấp hơn. Nếu thanh toán từ nguồn này có vấn đề thì điểm số sẽ là W.

◆ Cán bộ tín dụng đánh giá xếp hạng có thể viết “Khoản vay này được điểm \_\_\_\_, nhưng tôi đã tính điểm cho khoản vay này là \_\_\_\_ vì các lý do sau: \_\_\_\_,” (và liệt kê các lý do). Trong các trường hợp đó, Hội đồng tín dụng hoặc cán bộ tín dụng có thể thay đổi thứ hạng ban đầu nhưng đây vẫn là phương thức tốt hơn là sử dụng hạng mức ban đầu mà cán bộ tín dụng nghĩ là sai.

◆ Nếu phát hiện thấy thiếu sót trong quá trình xếp hạng mà khoản tín dụng đã bị xếp hạng yếu kém là C thì nên tính điểm cho khoản tín dụng đó là W và viết báo cáo đề xuất đưa khoản nợ đó vào danh sách các khoản nợ cần theo dõi (Tất cả các khoản nợ bị xếp hạng D và E được tự động đưa vào danh sách các khoản nợ cần theo dõi). Ngân hàng cần đưa những khoản nợ bị xếp dưới hạng C vào danh sách các khoản nợ cần theo dõi.

◆ Nếu khoản tín dụng đang bị xếp hạng C và thấy có các dấu hiệu cải thiện thì khoản nợ đó sẽ được xếp ra ngoài danh sách các khoản nợ cần theo dõi.

◆ Trong quá trình xếp hạng, nếu cán bộ tín dụng nhận thấy có vấn đề cần báo cáo ban giám đốc thì hạng mức sẽ là O. Sau đó, sau khi ban giám đốc đã xem xét khoản vay thì qui trình xếp hạng bình thường sẽ được áp dụng đối với khoản vay đó.

◆ Nếu không thể xếp hạng được khoản vay vì thiếu tài liệu, số liệu v.v... thì cán bộ tín dụng sẽ tạm xếp hạng U cho khoản vay đó ■